



TỔNG CÔNG TY CP BIA – RƯỢU – NGK SÀI GÒN
CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: 02923. 843 333

Fax: 02923. 843 222

Website: www.wsb-sabeco.com.vn Email: wsb@wsb-sabeco.com.vn

Số: 401/2021/WSB

Cần Thơ, ngày 26 tháng 10 năm 2021

(Công bố thông tin Báo cáo tài
chính hợp nhất quý 3/2021)

Can Tho, October 26th, 2021

(Information disclosure of
Consolidated financial statements
in Quarter 3/2021)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

To: STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM (SSC);
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX).

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Name of Organization: Western – Sai Gon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB
Stock code: WSB
- Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
Representative of information disclosure: Le Dang Khoa
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Type of information disclosure: 24h 72h Request Extraordinary
 Regular

Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2021. Nội dung báo cáo bao gồm:

Western – Sai Gon Beer Joint Stock Company discloses information of Consolidated financial statements in Quarter 3/2021 as follows:

+ Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;

Interim consolidated balance sheet;

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;

Report on interim consolidated business performance;

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Statements of cash flows;

+ Thuyết minh báo cáo tài chính.

Explanation of financial statements.

2. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình lợi nhuận sau thuế của Quý 3 năm 2021 (kỳ này) bị lỗ so với Quý 3 năm 2020 (cùng kỳ năm trước - có lãi): Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19, sự giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ tại địa phương, nhà máy chỉ duy trì sản xuất và giao hàng theo phương án được duyệt trong thời gian này để phòng chống dịch bệnh.

2. *Western - Saigon Beer Joint Stock Company explained that the profit after tax of Quarter 3/2021 (this period) suffered a loss compared to Quarter 3/2020 (the same period last year - it was profitable): The main reason was that due to the impact of Covid-19 pandemic, social distancing according to Directive 16 of the government, the brewery only maintains production and delivery according to the approved plan during this time to prevent the pandemic.*

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo/Website to publish: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu HC/Saved at the Office.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
REPRESENTATIVE OF
INFORMATION DISCLOSURE



Lê Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

Địa chỉ : KCN Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ.
Điện thoại : 0292 3843 333 Fax : 0292 3843 222
Email: wsb@vnn.vn – Website: www.wsb-sabeco.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 3/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		320.519.597.010	254.224.629.330
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	97.997.288.351	64.349.702.229
Tiền	111		327.288.351	215.702.229
Các khoản tương đương tiền	112		97.670.000.000	64.134.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	125.619.000.000	109.629.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125.619.000.000	109.629.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.245.271.482	16.641.313.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	25.804.548.403	15.145.629.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	795.202.010	281.241.264
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.645.521.069	1.214.443.340
Hàng tồn kho	140		65.374.179.615	63.503.089.236
Hàng tồn kho	141	8	67.209.971.557	65.280.495.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.835.791.942)	(1.777.406.566)
Tài sản ngắn hạn khác	150		283.857.562	101.523.961
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	283.857.562	101.523.961

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		540.491.609.313	582.942.661.952
<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		-	-
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>9</i>	<i>458.837.723.770</i>	<i>507.771.624.979</i>
Tài sản cố định hữu hình	221		458.837.723.770	507.771.624.979
<i>Nguyên giá</i>	222		982.823.401.576	986.632.866.175
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(523.985.677.806)	(478.861.241.196)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		73.881.710	73.881.710
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>	<i>10</i>	<i>4.146.751.524</i>	<i>4.963.159.470</i>
<i>Nguyên giá</i>	231		12.588.185.818	12.588.185.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(8.441.434.294)	(7.625.026.348)
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>5.152.390.523</i>	<i>725.663.402</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.152.390.523	725.663.402
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>4</i>	<i>52.535.812.362</i>	<i>53.918.112.632</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	252		36.399.910.162	37.782.210.432
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	253		16.135.902.200	16.135.902.200
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>19.818.931.134</i>	<i>15.564.101.469</i>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.151.990.092	13.486.666.657
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.666.941.042	2.077.434.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861.011.206.323	837.167.291.282

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		179.752.874.634	164.724.599.835
Nợ ngắn hạn	310		173.209.292.855	157.642.915.964
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	35.079.684.157	12.939.303.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.820.294	
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	90.811.818.149	105.776.268.829
Phải trả người lao động	314		13.950.904.356	8.818.260.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	11.986.883.694	4.949.236.545
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.102.881.709	9.116.749.337
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.274.300.496	16.043.097.361
Nợ dài hạn	330		6.543.581.779	7.081.683.871
Phải trả dài hạn khác	337		69.550.000	511.050.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.474.031.779	6.570.633.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021	01/01/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		681.258.331.689	672.442.691.447
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	410	18	681.258.331.689	672.442.691.447
Vốn cổ phần	411		145.000.000.000	145.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		317.247.386.381	308.431.746.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		268.148.839.680	236.664.265.156
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		49.098.546.701	71.767.480.983
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		861.011.206.323	837.167.291.282

Dương Thị Thúy Hồng

Trương Thị Mỹ Hồng



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày tháng 10 năm 2021

KHOẢN MỤC	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày 30/09	
			2021	2020	2021	2020
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	105.636.610.250
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	19				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	105.636.610.250	192.606.499.134	537.027.166.062	556.561.976.722
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	103.632.602.742	166.840.625.042	464.545.952.799	466.555.643.128
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.004.007.508	25.765.874.092	72.481.213.263	90.006.333.594
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.937.607.682	3.681.872.401	7.589.118.461	10.980.677.652
Chi phí tài chính	22	22		129.020.209	178.605.863	3.551.915.339
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			129.020.209	178.605.863	3.551.915.339
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		(727.806.297)	1.153.320.795	(1.382.300.270)	489.248.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.295.956.364	6.518.370.401	15.620.317.434	15.371.132.810
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.082.147.471)	23.953.676.678	62.889.108.157	82.553.211.985
Thu nhập khác	31		386	71.046.847	63.420.354	570.375.438
Chi phí khác	32		12.955.790	8.871.481	262.078.750	24.089.613
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(12.955.404)	62.175.366	(198.658.396)	546.285.825
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.095.102.875)	24.015.852.044	62.690.449.761	83.099.497.810
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(687.548.510)	2.499.818.980	4.571.677.748	10.000.615.157
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		45.881.724	(85.808.240)	410.493.770	(1.968.171.031)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(453.436.089)	21.601.841.304	57.708.278.243	75.067.053.684
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(194)		3.413	4.581

(Signature)

(Signature)



Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập
 Ngày tháng 10 năm 2021

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B03-DN/HN
(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 24/12/2014 của BTC)

VNĐ

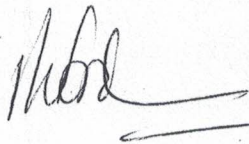
Mã số	KHOẢN MỤC	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày 30/09	
		2021	2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.690.449.761	83.099.497.810
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao và phân bổ	52.050.301.000	54.087.172.993
3	Các khoản dự phòng	58.385.376	684.658.397
5	Lãi từ hoạt động đầu tư	(7.822.120.112)	(13.859.304.924)
6	Chi phí lãi vay	178.605.863	3.551.915.339
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	107.155.621.888	127.563.939.615
9	Biến động các khoản phải thu	(11.851.983.145)	14.348.103.395
10	Biến động hàng tồn kho	(2.068.348.374)	7.103.637.101
11	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	29.498.866.759	(16.028.833.689)
12	Biến động chi phí trả trước	(4.847.657.036)	64.318.790
14	Tiền lãi vay đã trả	(178.605.863)	(3.726.116.291)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.497.258.812)	(13.795.230.884)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	153.779.397	1.015.172.642
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(13.676.765.752)	(6.863.054.509)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	95.687.649.062	109.681.936.170
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(7.344.658.000)	(8.668.958.725)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	171.000.000	672.000.000
23	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	(84.000.000.000)	(61.249.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	68.010.000.000	162.170.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	4.750.807.560	9.440.377.404
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(18.412.850.440)	102.364.418.679

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B03-DN/HN
 (Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
 ngày 24/12/2014 của BTC)

VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày 30/09	
		2021	2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ đi vay	163.020.000.000	305.162.636.012
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(163.020.000.000)	(437.055.692.290)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(43.627.212.500)	(57.664.288.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(43.627.212.500)	(189.557.344.778)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	33.647.586.122	22.489.010.071
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	64.349.702.229	58.872.513.246
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	97.997.288.351	81.361.523.317



Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập

Ngày tháng 10 năm 2021



Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (Công ty) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005 cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/06/2006 về việc đổi tên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa hai công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất lần thứ 9 ngày 02 tháng 01 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010

Trụ sở chính: KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát. Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi. Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản. Kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát. Vận tải hàng hóa đường bộ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Cấu trúc doanh nghiệp : Công ty có 01 công ty con (100% QSH & QBQ) và 01 công ty liên kết (20% QSH & QBQ)

Công ty con : Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng. Địa chỉ Lô S, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

Công ty liên kết : Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu. Địa chỉ Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

Hiện tại công ty vẫn so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Accounting period, currency

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng đơn vị mở tài khoản (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 202/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm chứng khoán kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; Các khoản cho vay; đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; công cụ vốn của đơn vị khác, dùng để phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán vì mục đích kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ theo giá gốc. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo thời điểm khớp lệnh; chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định pháp luật. Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được trích lập dự phòng. Trả cổ tức bằng cổ phiếu nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng trên thuyết minh. Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi. Khi thanh lý, nhượng bán, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Nhà cửa - vật kiến trúc: 05 - 25 năm.
- Máy móc, thiết bị: 05 - 10 năm.
- Phương tiện vận tải: 06 - 10 năm.
- Thiết bị văn phòng: 03 - 08 năm.
- Quyền sử dụng đất : 49 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận vốn góp không ghi vào vốn chủ mà ghi vào TK 338. BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát hoặc các bên đồng kiểm soát, do một bên kế toán và quyết toán. Các bên phải cân nhắc về rủi ro có thể phải gánh chịu.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng; trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản. Nếu BCC quy định bên khác trong BCC chỉ phân loại chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, mặc dù hình thức pháp lý của BCC là chia lợi nhuận sau thuế nhưng bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ

Nợ thuê tài chính là tổng nợ thuê tài sản được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước thực tế đã phát sinh trong năm tài chính hoặc có liên quan đến KQKD của nhiều kỳ kế toán và chuyển vào nhiều kỳ kế toán sau.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận kế toán nợ phải trả

Việc phân loại được thực hiện theo nguyên tắc tương tự các khoản phải thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh

Chênh lệch đánh giá lại tài sản do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	95.654.800	187.113.400
Tiền gửi ngân hàng	231.633.551	28.588.829
Các khoản tương đương tiền (*)	97.670.000.000	64.134.000.000
TỔNG CỘNG	97.997.288.351	64.349.702.229

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng. Các khoản tương đương tiền được gọi bằng VND.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Ngắn hạn

	30/9/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	125.619.000.000	-	125.619.000.000	109.629.000.000	-	109.629.000.000
	125.619.000.000	-	125.619.000.000	109.629.000.000	-	109.629.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm

(ii) Dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu thể hiện giá trị các khoản đầu tư vào trái phiếu của công ty.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/9/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
<i>Đầu tư vào công ty liên kết (**)</i>	7.000.000.000		7.000.000.000	
<i>Đầu tư dài hạn khác (***)</i>	16.135.902.200		16.135.902.200	
<i>(a) Đầu tư cổ phiếu</i>	2.155.186.800		2.155.186.800	
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	2.155.186.800		2.155.186.800	
<i>(b) Đầu tư dài hạn khác</i>	13.980.715.400		13.980.715.400	
- Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	13.980.715.400		13.980.715.400	

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	30/9/2021				1/1/2021					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư công ty liên kết										
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	36.399.910.162		23.843.820.000	2.402.400	20,00%	37.782.210.432		28.108.080.000
Đầu tư dài hạn khác										
(a) Đầu tư cổ phiếu										
Tổng Công Ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	186.692	0,04	2.155.186.800		5.787.452.000	145.060	0,05%	2.155.186.800		(*)
(b) Đầu tư dài hạn khác										
Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400		(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400		(*)
			52.535.812.362					53.918.112.632		

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 4 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty nhận được thông báo chính thức của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC (“DCD”), công ty mà Nhóm Công ty đầu tư vào, thông báo DCD được sát nhập vào Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng (“DIG”), và do đó cổ phiếu của DCD không còn được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội. Nhóm Công ty được quyền hoán đổi cổ phiếu của DCD vào cổ phiếu của DIG theo tỷ lệ 1:1. Thủ tục hoán đổi được hoàn thành vào ngày 11 tháng 5 năm 2021. Trong kỳ, Nhóm Công ty cũng nhận được cổ tức bằng cổ phiếu từ DIG với tỷ lệ lần lượt là 10%, 17%

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu 09-DN/HN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/9/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
(a) Phải thu khách hàng		
Bên thứ ba	621.956.106	135.425.850
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	25.182.592.297	15.010.203.450
TỔNG CỘNG	25.804.548.403	15.145.629.300

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	25.173.880.297	15.010.203.450
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	8.712.000	
Cộng	25.182.592.297	15.010.203.450

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/9/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba	795.202.010	281.241.264
Các bên liên quan		
	795.202.010	281.241.264

7 PHẢI THU KHÁC

	30/9/2021	01/01/2021
	VNĐ	Giá trị VNĐ
(a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về lãi tiền gửi	4.008.343.299	1.170.033.805
Phải thu ngắn hạn khác	637.177.770	44.409.535
TỔNG CỘNG	4.645.521.069	1.214.443.340

Trong đó:

Bên thứ ba	4.645.521.069	1.212.798.344
Các bên liên quan		1.644.996
	4.645.521.069	1.214.443.340

8 HÀNG TỒN KHO	30/9/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng	Giá gốc VNĐ	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	86.860.000		13.100.000	
Nguyên vật liệu	24.860.625.668		22.455.190.906	
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.185.514.998	(1.835.791.942)	5.798.963.974	(1.777.406.566)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.465.745.140		25.036.030.448	
Thành phẩm	4.570.039.840		11.617.538.324	
Hàng hóa	41.185.911		359.672.150	
TỔNG CỘNG	67.209.971.557	(1.835.791.942)	65.280.495.802	(1.777.406.566)

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu kỳ	172.990.864.629	783.700.067.476	13.562.788.648	16.379.145.422	986.632.866.175
Tăng trong kỳ					
Mua mới	40.209.076	59.948.501	1.172.000.000	240.000.000	1.512.157.577
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.578.474.805				1.578.474.805
Phân loại lại					
Giảm trong kỳ		6.800.509.360		99.587.621	6.900.096.981
Trong đó:					
Thanh lý		6.289.600.269		99.587.621	6.389.187.890
Giảm khác		510.909.091		-	510.909.091
Số dư cuối kỳ	174.609.548.510	776.959.506.617	14.734.788.648	16.519.557.801	982.823.401.576
Giá trị khấu hao:					
Số dư đầu kỳ	61.632.951.548	396.326.970.092	9.338.522.216	11.562.797.340	478.861.241.196
Khấu hao trong kỳ	6.350.793.039	42.924.657.318	891.667.199	1.066.775.498	51.233.893.054
Phân loại lại					
Giảm trong kỳ					
Thanh lý		6.009.868.823		99.587.621	6.109.456.444
Số dư cuối kỳ	67.983.744.587	433.241.758.587	10.230.189.415	12.529.985.217	523.985.677.806
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu kỳ	111.357.913.081	387.373.097.384	4.224.266.432	4.816.348.082	507.771.624.979
Số dư cuối kỳ	106.625.803.923	343.717.748.030	4.504.599.233	3.989.572.584	458.837.723.770

* Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 51.847 triệu (tại 01/01/2021 là 55.389. triệu đồng)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(c) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:		
Số đầu kỳ	73.881.710	73.881.710
<i>Mua trong kỳ</i>		
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Số cuối kỳ	73.881.710	73.881.710
Giá trị khấu hao:		
Số đầu kỳ	73.881.710	73.881.710
<i>Khấu hao trong kỳ</i>		
Số cuối kỳ	73.881.710	73.881.710
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu kỳ		
Số dư cuối kỳ		

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(d) Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	12.588.185.818	12.588.185.818
Số dư cuối kỳ	<u>12.588.185.818</u>	<u>12.588.185.818</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.625.026.348	7.625.026.348
Khấu hao trong kỳ	816.407.946	816.407.946
Thanh lý		
Số dư cuối kỳ	<u>8.441.434.294</u>	<u>8.441.434.294</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	<u>4.963.159.470</u>	<u>4.963.159.470</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4.146.751.524</u>	<u>4.146.751.524</u>

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

	30/9/2021	01/01/2021
12 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN		
Số dư đầu kỳ	725.663.402	7.922.181.819
Tăng/ bổ sung	6.804.180.107	7.778.176.143
Điều chuyển từ / (sang) TSCĐ	(2.377.452.986)	(14.974.694.560)
Số dư cuối kỳ	<u><u>5.152.390.523</u></u>	<u><u>725.663.402</u></u>
13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn	30/9/2021	01/01/2021
Công cụ và dụng cụ	10.799.999	18.540.654
Chi phí trả trước khác	273.057.563	82.983.307
TỔNG CỘNG	<u><u>283.857.562</u></u>	<u><u>101.523.961</u></u>
(b) Chi phí trả trước dài hạn	30/9/2021	01/01/2021
Bao bì luân chuyển	1.942.322.012	878.491.186
Chi phí thuê đất trả trước	11.273.730.661	11.622.836.647
Công cụ và dụng cụ	80.378.043	238.419.868
Chi phí trả trước khác	4.855.559.376	746.918.956
TỔNG CỘNG	<u><u>18.151.990.092</u></u>	<u><u>13.486.666.657</u></u>
14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN	30/9/2021	01/01/2021
Phải trả cho các bên thứ ba	6.587.716.946	10.059.142.862
Phải trả cho các bên liên quan	28.491.967.211	2.880.160.877
	<u><u>35.079.684.157</u></u>	<u><u>12.939.303.739</u></u>
Phải trả người bán là các bên liên quan	28.491.967.211	
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	28.041.847.211	2.880.160.877
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	450.120.000	

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/9/2021	01/01/2021
Chi phí phải trả khác	11.986.883.694	4.949.236.545
TỔNG CỘNG	11.986.883.694	4.949.236.545

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2021	01/01/2021
Cổ tức phải trả	4.113.832.808	3.870.082.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.234.021.339	613.243.320
Phải trả ngắn hạn khác	4.755.027.562	4.633.423.209
	10.102.881.709	9.116.749.337

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/9/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	69.550.000	511.050.000
Tiền thuê đất phải trả Nhà nước		
	69.550.000	511.050.000

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã cân trừ trong kỳ	30/9/2021
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	11.739.502.546	103.109.716.399	36.441.016.298	(36.850.355.403)	41.557.847.244
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.414.146.652	494.454.142.792	534.903.850.776		46.964.438.668
Thuế xuất nhập khẩu		11.331.105	11.331.105		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.045.626.182	4.571.677.748	8.497.258.812		2.120.045.118
Thuế thu nhập cá nhân	576.993.449	3.227.378.478	3.634.884.808		169.487.119
Các loại thuế khác		6.088.000	6.088.000		
	105.776.268.829	605.380.334.522	583.494.429.799	(36.850.355.403)	90.811.818.149

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU
18.1 Vốn cổ phần

	30/9/2021			01/01/2021		
	Số cổ phiếu	Tổng mệnh giá VNĐ	Tỷ lệ sở hữu	Tổng mệnh giá	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	7.395.000	73.950.000.000	51%	7.395.000	73.950.000.000	51%
Các cổ đông khác	7.105.000	71.050.000.000	49%	7.105.000	71.050.000.000	49%
TỔNG CỘNG	14.500.000	145.000.000.000		14.500.000	145.000.000.000	
Cổ phiếu						
		30/9/2021 (cổ phiếu)			01/01/2021 (cổ phiếu)	
Số lượng cổ phiếu được duyệt		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		14.500.000			14.500.000	

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân
phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - Vốn góp đầu kỳ
 - Vốn góp tăng trong kỳ
 - Vốn góp giảm trong kỳ
 - Vốn góp cuối kỳ
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

30/9/2021 and 1/1/2021			
Số lượng	VNĐ		
14.500.000	145.000.000.000		
14.500.000	145.000.000.000		
Năm 2021		Năm 2020	
VNĐ	Tỷ lệ	VNĐ	Tỷ lệ
43.500.000.000	30%	72.500.000.000	50%
		43.500.000.000	30%
		14.500.000.000	10%
		14.500.000.000	10%
14.500.000.000	10%		
29.000.000.000	20%		

Tổng số:

- Quyết toán cổ tức năm 2019 (chi đợt 2 - 30% (đã thực hiện chi trả vào ngày 29/4/2020).
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 là 10% (đã thực hiện chi trả vào ngày 08/9/2020).
- Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 là 10% (thực hiện chi trả vào ngày 11/12/2020).
- Tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2020 là 10% (thực hiện chi trả vào ngày 31/3/2021).
- Quyết toán cổ tức năm 2020 còn lại 20% thực hiện chi trả vào ngày 31/5/2021).

Các quỹ của công ty

- Quỹ đầu tư phát triển
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

30/9/2021		01/01/2021	
VNĐ		VNĐ	
219.010.945.308		219.010.945.308	
317.247.386.381		308.431.746.139	

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

18.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	280.538.744.572	644.549.689.880
Lợi nhuận thuần trong năm			114.326.733.674	114.326.733.674
Cổ tức			(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội			(559.252.691)	(559.252.691)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội			(374.479.416)	(374.479.416)
Tăng/(giảm) khác				
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Lợi nhuận thuần trong kỳ			57.708.278.243	57.708.278.243
Cổ tức			(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(8.216.103.135)	(8.216.103.135)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước			3.238.911.829	3.238.911.829
Trích quỹ công tác xã hội			(393.628.407)	(393.628.407)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội			(21.818.288)	(21.818.288)
Tăng/(giảm) khác				
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	317.247.386.381	681.258.331.689

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
	VNĐ	VNĐ
Bán thành phẩm	103.427.509.542	189.432.572.980
Cung cấp dịch vụ	311.131.614	2.649.592.741
Doanh thu khác	1.897.969.094	524.333.413
Tổng doanh thu	105.636.610.250	192.606.499.134

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn thành phẩm đã bán	102.944.372.545	162.996.342.720
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	273.755.182	373.242.117
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	183.434.398	332.146.421
Giá vốn khác	231.040.617	3.138.893.784
TỔNG CỘNG	103.632.602.742	166.840.625.042

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.891.807.000
Lãi tiền gửi	1.937.607.390	1.790.065.005
Doanh thu tài chính khác	292	396
TỔNG CỘNG	1.937.607.682	3.681.872.401

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

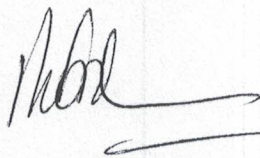
	Quý 3/2021 VNĐ	Quý 3/2020 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.205.406.823	4.436.519.517
Chi phí khấu hao	412.688.400	312.635.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.513.854	385.928.806
Chi phí quản lý khác	506.347.287	1.383.286.699
TỔNG CỘNG	4.295.956.364	6.518.370.401

23 THU NHẬP KHÁC

	Quý 3/2021 VNĐ	Quý 3/2020 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	386	71.046.847
	386	71.046.847

CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3/2021 VNĐ	Quý 3/2020 VNĐ
Khác	12.955.790	8.871.481
Chi phí khác	12.955.790	8.871.481



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập

Ngày tháng 10 năm 2021




Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Lê Đăng Khoa
Giám đốc